

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 701/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 9- 2025

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Hoài

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Trần Thị Hương
- Bà Phan Thị Mai Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 3004/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/12/2024 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1894/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 2720/2025/QĐST – HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Lê Minh H, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Số B đường T, khu phố C, phường T, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Bà Phan Thị Yến N, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Số B đường T, khu phố C, phường T, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ nơi làm việc: Tổng Công ty Cổ phần D – Chi nhánh tại số D đường T, khu phố C, phường T, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2024, bản tự khai, biên bản không thể tiến hành hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Lê Minh H trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà N tự nguyện về chung sống với nhau vào năm 2008, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 20/2008 ngày 14/3/2008. Thời gian đầu chung sống vợ chồng sống hạnh phúc bình thường. Đến năm 2024, hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống khác biệt nên không thể hòa hợp, hai vợ chồng thường xuyên xung đột, có những lời lẽ xúc phạm lẫn nhau khiến cho cuộc sống chung của hai bên căng thẳng, không hạnh phúc. Hai vợ chồng và gia đình hai bên đã cố gắng hòa giải để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm hai vợ chồng nhưng vẫn không được. Từ năm 2024, hai bên đã ly thân, hai bên không còn quan tâm, gắn bó và trách nhiệm với nhau. Nay tại Tòa, ông yêu cầu ly hôn dứt khoát với bà N vì không còn tình cảm.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Duy T, sinh ngày 08/02/2004 (đã thành niên) và Lê Mỹ N1, sinh ngày 11/3/2008. Đối với trẻ Lê Mỹ N1 hiện nay con đang sinh sống cùng bà N nên ông Lê Minh H đồng ý giao con chung tên Lê Mỹ N1, sinh ngày 11/3/2008 cho bà Phan Thị Yến N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hàng tháng, ông Lê Minh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Lê Mỹ N1 số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) thực hiện vào ngày cuối cùng của mỗi tháng, bắt đầu từ tháng 10 năm 2025 cho đến con chung đủ 18 tuổi hoặc khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Ông Lê Minh H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Lê Minh H xác định không có.

Bị đơn Phan Thị Yến N vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 -Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Minh H được ly hôn bà Phan Thị Yến N. Về con chung: Ông Lê Minh H và bà Phan Thị Yến N có 02 con chung tên Lê Duy T, sinh ngày 08/02/2004 (đã thành niên) và Lê Mỹ N1, sinh ngày 11/3/2008. Giao con chung tên Lê Mỹ N1, sinh ngày 11/3/2008 cho bà Phan Thị Yến N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Minh H cấp dưỡng

nuôi con Lê Mỹ N1 số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) thực hiện vào ngày cuối cùng của mỗi tháng, bắt đầu từ tháng 10 năm 2025 cho đến con chung đủ 18 tuổi hoặc khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Ông H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung ông H xác định không có. Bà N không có ý kiến đối với tài sản chung và nợ chung. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện ông Lê Minh H yêu cầu ly hôn với bà Phan Thị Yến N, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Phan Thị Yến N có đăng ký thường trú tại địa chỉ số B đường T, khu phố C, phường T, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh và hiện tại đang làm việc tại Tổng Công ty Cổ phần D – Chi nhánh tại số D đường T, khu phố C, phường T, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng cư trú của bà Phan Thị Yến N, địa chỉ nơi làm việc và xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp của vợ chồng. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh kiểm sát việc tuân theo pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh) đã tiến hành thủ tục tố tụng các văn bản tố tụng đối với bà Phan Thị Yến N tại số nhà B đường T, khu phố C, phường T, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ nơi làm việc: Tổng Công ty Cổ phần D – số D đường T, khu phố C, phường T, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; Trụ sở Ủy ban nhân dân T, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng bà N vắng mặt không có lý do, cụ thể:

Ngày 17/02/2025, niêm yết công khai thông báo thụ lý số 3004/2024/TB – TLVA ngày 23/12/2024, giấy triệu tập đương sự ngày 13/02/2025, yêu cầu Phan Thị Yến N có mặt tại Tòa án vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 13/3/2025 để trình bày lời khai giải quyết vụ án;

Ngày 15/7/2025, niêm yết công khai thông báo thụ lý số 3004/2024/TB – TLVA ngày 23/12/2024, giấy triệu tập đương sự ngày 11/7/2025, yêu cầu Phan Thị Yến N có mặt tại Tòa án vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 01/8/2025 để trình bày lời khai giải quyết vụ án;

Ngày 01/8/2025, niêm yết công khai giấy triệu tập đương sự ngày 01/8/2025, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 1009/TB-TA ngày 01/8/2025, yêu cầu Phan Thị Yến N có mặt tại Tòa án vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 19/8/2025 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải;

Ngày 19/8/2025, niêm yết công khai Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 19/8/2025, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1894/QĐXXST – HNGĐ ngày 19/8/2025, giấy triệu tập đương sự ngày 19/8/2025, yêu cầu Phan Thị Yến N có mặt tại Tòa án vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 09/9/2025 để tham gia phiên tòa;

Ngày 09/9/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành niêm yết công khai Quyết định hoãn phiên tòa số 2720/2025/QĐST – HNGĐ ngày 09/9/2025, giấy triệu tập đương sự ngày 09/9/2025 yêu cầu Phan Thị Yến N có mặt tại Tòa án vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 25/9/2025 để tham gia phiên tòa.

Bị đơn Phan Thị Yến N vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Phan Thị Yến N.

## [2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh H yêu cầu ly hôn bà Phan Thị Yến N, Hội đồng xét xử xét thấy: Năm 2008, ông H và bà N tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 20/2008 ngày 14/3/2008. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của ông H và bà N được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Ông H xác định cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc cho cả hai vợ chồng, mục đích hôn nhân cũng không đạt được, hai bên thường xuyên bất đồng quan điểm nên không tìm được tiếng nói chung của vợ chồng. Ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Yến N.

Bị đơn bà Yến N vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của ông H và bà Yến N tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T (nay là phường T) Thành phố Hồ Chí Minh và kết quả trả lời với nội dung: Cho đến nay Ủy ban nhân dân phường chưa nhận được đơn thư phản ánh, kiến nghị của ông H, bà N. Trong quá trình giải quyết hồ sơ vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng yêu cầu bà N có mặt để cung cấp lời khai, tham gia hòa giải và Tòa án động viên hai bên suy nghĩ, nhìn nhận lại tình cảm vợ chồng, bỏ qua mọi thiếu sót, cùng nhau xây

dựng hạnh phúc gia đình nhưng bà N vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, cho thấy bà N đã không còn thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình cũng như duy trì mối quan hệ hôn nhân này. Phía ông H vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà N. Ông H cho rằng cả hai đã không còn chung sống với nhau từ năm 2024, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy mục đích hôn nhân của ông H và bà N không còn. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định giữa ông H và bà N không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Minh H được ly hôn bà Phan Thị Yến N.

Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của ông H và tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Ông Lê Minh H và bà Phan Thị Yến N có 02 con chung tên Lê Duy T, sinh ngày 08/02/2004 (đã thành niên) và Lê Mỹ N1, sinh ngày 11/3/2008. Ông H yêu cầu được giao con chung Lê Mỹ N1, sinh ngày 11/3/2008 cho bà Phan Thị Yến N trực tiếp nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, ông H trình bày trẻ Lê Mỹ N1 hiện đang sinh sống cùng với bà N. Bà N không có ý kiến về phần con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện ổn định về mặt chỗ ở cũng như sự phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ Lê Mỹ N1, Hội đồng xét xử giao con chung tên Lê Mỹ N1, sinh ngày 11/3/2008 cho bà Phan Thị Yến N trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, ông Lê Minh H trình bày ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Lê Mỹ N1 số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) thực hiện vào ngày cuối cùng của mỗi tháng, bắt đầu từ tháng 10 năm 2025. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ông H cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận sự tự nguyện của ông H cấp dưỡng nuôi con Lê Mỹ N1 số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) thực hiện vào ngày cuối cùng của mỗi tháng, bắt đầu từ tháng 10 năm 2025 cho đến con chung đủ 18 tuổi hoặc khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh về phần con chung là có cơ sở.

- Về tài sản chung: Ông Lê Minh H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có, bà N không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở và phù hợp với các quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Lê Minh H phải chịu nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0068215 ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Minh). Ông Lê Minh H phải nộp thêm án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 186; Điều 271; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 và các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84; 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh H:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh H được ly hôn với bà Phan Thị Yến N (Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2008 ngày 14/3/2008 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận I (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án phát sinh hiệu lực pháp luật).

Về con chung: Ông Lê Minh H và bà Phan Thị Yến N có 02 con chung tên Lê Duy T, sinh ngày 08/02/2004 (đã thành niên) và Lê Mỹ N1, sinh ngày 11/3/2008.

Giao con chung tên Lê Mỹ N1, sinh ngày 11/3/2008 cho bà Phan Thị Yến N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Minh H về việc cấp dưỡng nuôi con Lê Mỹ N1 với số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng)/tháng, thực hiện vào ngày cuối cùng của mỗi tháng, bắt đầu từ tháng 10 năm 2025 cho đến con chung đủ 18 tuổi hoặc khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi bản án có hiệu lực và người có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ số tiền trên cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền gốc và khoảng thời gian chậm thi hành án.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Lê Minh H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Lê Minh H xác định không có.

## **2. Về án phí sơ thẩm:**

Án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Lê Minh H chịu nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0068215 ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh). Ông Lê Minh H phải nộp thêm án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng).

## **3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:**

Ông Lê Minh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Phan Thị Yến N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

**4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.**

***Nơi nhận:***

- TANDTPHCM;
- VKSND Khu vực 2 - TP . HCM;
- THADS TP. HCM;
- UBND P. Tăng Nhơn Phú, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thị Hoài**